

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ TUYẾT NGÀ

**TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CHO SINH VIÊN
TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ BÁO CHÍ

Hà Nội - 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ TUYẾT NGÀ

**TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CHO SINH VIÊN
TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành: Báo chí học

Mã số: 8320101.01

Người hướng dẫn khoa học

Chủ tịch hội đồng

PGS. TS. HÀ HUY PHƯỢNG

PGS.TS. ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG

Hà Nội - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS,TS. Hà Huy Phụng (Học viện Báo chí và Tuyên truyền). Các số liệu, trích dẫn nêu trong luận văn là trung thực, được dẫn nguồn đầy đủ. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2020

Tác giả luận văn

TRẦN THỊ TUYẾT ANH

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian học tập và nghiên cứu tại Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đến nay tôi đã hoàn thành luận văn Thạc sĩ Báo chí, chuyên ngành Báo chí học với đề tài ***“Truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử Việt Nam hiện nay”***.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông và các thầy cô giáo trong và ngoài Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã cung cấp cho tôi nhiều kiến thức và kỹ năng cần thiết ở bậc đào tạo sau đại học.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến PGS,TS. Hà Huy Phượng (Học viện Báo chí và Tuyên truyền), người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn này.

Luận văn chắc chắn còn những hạn chế, thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự thông cảm và góp ý chân thành của các nhà khoa học, thầy cô giáo và các bạn đồng môn, đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2020

Tác giả luận văn

TRẦN THỊ TUYẾT ANH

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỞ ĐẦU | 7 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài | 7 |
| 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài..... | 7 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... | 13 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 16 |
| 5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu | 17 |
| 7. Kết cấu của luận văn | 20 |
| Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHO SINH VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ | 21 |
| 1.1. Các khái niệm | 21 |
| <i>1.1.1. Khái niệm “khoa học và công nghệ ” và “chính sách khoa học và công nghệ ”</i> | 21 |
| <i>1.1.2. Khái niệm “truyền thông chính sách”, “báo điện tử”, “sinh viên”</i> | 21 |
| 1.2. Vai trò và đặc điểm của truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử | 23 |
| <i>1.2.1. Vai trò của truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử</i> | 28 |
| <i>1.2.2. Đặc điểm của truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử</i> | 28 |
| 1.3. Cơ sở chính trị - pháp lý của truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử | 34 |
| <i>1.3.1. Cơ sở chính trị</i> | 35 |
| <i>1.3.2. Cơ sở pháp lý</i> | 35 |
| 1.4. Một số vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn của truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử | 38 |

| | |
|--|-----------|
| 1.4.1. Cơ sở lý luận | 40 |
| 1.4.2. Cơ sở thực tiễn | 42 |
| Tiểu kết Chương 1 | 50 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHO SINH VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM | 51 |
| 2.1. Tổng quan về các báo điện tử khảo sát | 51 |
| 2.1.1. Sơ lược lịch sử phát triển | 51 |
| 2.1.2. Quy trình truyền thông chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử | 51 |
| 2.2. Thực trạng truyền thông chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử VnExpress.net, Dantri.com.vn, Tuoitre.vn, Svv.vn | 54 |
| 2.2.1 Chủ thể, thông điệp, kênh và công chúng truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên..... | 55 |
| 2.2.2 Nhiễu, phản hồi, hiệu quả và hiệu lực truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên | 55 |
| 2.3. Đánh giá hiệu quả truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử hiện nay | 73 |
| 2.3.1. Những kết quả đạt được | 73 |
| 2.3.2. Tồn tại, hạn chế..... | 73 |
| 2.4. Những nguyên nhân ảnh hưởng đến truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử hiện nay | 81 |
| 2.4.1. Nguyên nhân chủ quan..... | 85 |
| 2.4.2. Nguyên nhân khách quan | 85 |
| Tiểu kết Chương 2 | 88 |
| Chương 3. GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHO SINH VIÊN TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY | 89 |

| | |
|---|------------|
| 3.1. Những vấn đề đặt ra đối với truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử Việt Nam hiện nay..... | 89 |
| <i>3.1.1. Những vấn đề chung.....</i> | <i>89</i> |
| <i>3.1.2. Những vấn đề cụ thể đối với truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử Việt Nam</i> | <i>89</i> |
| 3.2. Giải pháp truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử | 92 |
| <i>3.2.1. Đối với chủ thể, thông điệp, kênh và công chúng truyền thông chính sách khoa học và công nghệ.....</i> | <i>92</i> |
| <i>3.2.2. Đối với vấn đề nhiễu, phản hồi, hiệu quả và hiệu lực truyền thông chính sách khoa học và công nghệ.....</i> | <i>92</i> |
| 3.3. Một số khuyến nghị..... | 100 |
| <i>3.3.1. Nhận thức tầm quan trọng của truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên</i> | <i>102</i> |
| <i>3.3.2. Đổi mới cơ chế, chính sách và nguồn lực truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên.....</i> | <i>102</i> |
| Tiểu kết Chương 3..... | 107 |
| KẾT LUẬN | 108 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 111 |
| PHỤ LỤC | 116 |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

| | |
|---------|---------------------------|
| PGS,TS. | : Phó Giáo Sư, Tiến Sĩ |
| TTCS | : Truyền thông chính sách |
| KH&CN | : Khoa học và công nghệ |
| GD&ĐT | : Giáo dục và đào tạo |
| NXB | : Nhà xuất bản |
| Tr. | : Trang |
| SV | : Sinh viên |

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH ẢNH

1. Danh mục Bảng

| | |
|---|----|
| Bảng 1.1 Tổng hợp mức độ đánh giá thông tin chính sách khoa học và công nghệ | 29 |
| Bảng 2.1 Tính đa phương tiện của báo điện tử | 62 |
| Bảng 2.2 Tính tương tác hai chiều của 4 báo điện tử | 68 |
| Bảng 2.3 Lý do sinh viên thích hay không thích các tin, bài chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử | 77 |
| Bảng 2.4 Sinh viên đánh giá tầm quan trọng của chính sách | 79 |

2. Danh mục biểu đồ

| | |
|---|----|
| Biểu đồ 2.1 Tin, bài chính sách khoa học và công nghệ trên 4 báo điện tử (bài) | 56 |
| Biểu đồ 2.2 Thể loại tin, bài chính sách khoa học và công nghệ trên 4 báo điện tử..... | 57 |
| Biểu đồ 2.3 So sánh lượng tin, bài về chính sách khoa học và công nghệ trên chuyên mục của 4 báo điện tử..... | 61 |
| Biểu đồ 2.4 Sinh viên tiếp cận thông tin khoa học và công nghệ trên báo điện tử..... | 63 |
| Biểu đồ 2.5 Báo điện tử sinh viên đọc nhiều | 64 |
| Biểu đồ 2.6 Mục đích sử dụng báo điện tử của sinh viên | 65 |
| Biểu đồ 2.7 Độ tuổi của sinh viên quan tâm đến báo điện tử | 66 |
| Biểu đồ 2.8 Chuyên mục sinh viên quan tâm trên báo điện tử | 67 |
| Biểu đồ 2.9 Mức độ sinh viên sử dụng mạng xã hội | 67 |
| Biểu đồ 2.10 Tin, bài chính sách khoa học và công nghệ có chứa các siêu liên kết trên 4 báo điện tử..... | 69 |
| Biểu đồ 2.11 Tính tương tác tin, bài chính sách khoa học và công nghệ trên 4 báo điện tử | 70 |

| | |
|--|----|
| Biểu đồ 2.12 So sánh giữa các chủ đề truyền thông khoa học và công nghệ trên 4 báo điện tử..... | 71 |
| Biểu đồ 2.13 Đánh giá của sinh viên về thông tin chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử..... | 72 |
| Biểu đồ 2.14 Mức độ quan trọng của chính sách khoa học và công nghệ đối với sinh viên..... | 72 |
| Biểu đồ 2.15 Tỷ lệ số lượng báo điện tử sinh viên tiếp nhận thông tin chính sách khoa học và công nghệ..... | 75 |
| Biểu đồ 2.16 Tần suất sinh viên tiếp nhận tin tức chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử qua mạng xã hội..... | 76 |
| Biểu đồ 2.17 Thống kê độ tuổi sinh viên quan tâm đến báo điện tử..... | 78 |
| Biểu đồ 2.18 Tỷ lệ sinh viên quan tâm chính sách khoa học và công nghệ trên 4 báo điện tử..... | 80 |
| Biểu đồ 2.19 Đánh giá của sinh viên về nội dung của chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử..... | 80 |
| Biểu đồ 3.1 Yêu cầu nội dung bài viết chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử..... | 95 |
| Biểu đồ 3.2 Yêu cầu hình thức trình bày bài viết chính sách khoa học và công nghệ trên báo điện tử..... | 97 |
| 3. Danh mục hình ảnh | |
| Hình 1.1. Mô hình truyền thông của H. Laswell..... | 41 |
| Hình 1.2. Mô hình truyền thông của C.Shannon..... | 41 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Đảng và Nhà nước đã xác định phát triển KH&CN là yếu tố then chốt đưa Việt Nam tiến tới xây dựng nền kinh tế tri thức và lực lượng sản xuất hiện đại. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) nội dung của Nghị quyết đã thể hiện quan điểm đổi mới mạnh mẽ KH&CN, tiêu biểu là định hướng phát triển KH&CN làm cơ sở cho quá trình hoạch định chủ trương, đường lối lãnh đạo sự nghiệp đổi mới giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. Dựa trên chủ trương, đường lối của Đảng những năm qua các chính sách, pháp luật về KH&CN đã tích cực được hoàn thiện và đổi mới, như: Luật KH&CN (năm 2013); Luật chuyển giao công nghệ (năm 2017); Luật Sở hữu trí tuệ (năm 2005 và 2009)...

Để thực hiện được mục tiêu phát triển KH&CN thì việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hết sức quan trọng. Vì vậy, ngành GD&ĐT đã được giao nhiệm vụ này ngay từ Nghị quyết Trung ương II, khóa VIII “*Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*” đã khẳng định “*Thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển*” [5, tr.29]. Từ đó đến nay, các Đại hội IX, X, XI của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Trung ương Đảng, khóa XI “*Về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” nhấn mạnh “*Phát triển GD&ĐT phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ KH&CN*” [13, tr. 121]. Qua đó, một trong chín nhiệm vụ, giải pháp thực hiện được mục tiêu là “*Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học. Gắn kết chặt chẽ giữa*

đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh... Có chính sách khuyến khích học sinh, SV nghiên cứu khoa học” [13, tr.136]. Không chỉ vậy, tầm quan trọng của việc khuyến khích và thúc đẩy SV, cán bộ nghiên cứu khoa học; triển khai ứng dụng KH&CN đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đã được khẳng định tại Luật Giáo dục đại học năm 2012: “Gắn đào tạo với nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ... Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có quyền và trách nhiệm tiếp nhận, tạo điều kiện để người học, giảng viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo”[41, tr.17].

Tuy nhiên, để tạo ra được sự cộng hưởng nghiên cứu khoa học đến từng cán bộ, giảng viên, đặc biệt là SV trong từng trường đại học, học viện thì lại là nhiệm vụ quan trọng của báo chí và truyền thông. Hiện nay, cùng với quá trình phát triển KH&CN, các phương tiện truyền thông đại chúng nước ta đang phát triển mạnh. Các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực KH&CN đều đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trên báo chí, nhằm tạo dựng diễn đàn để đối thoại và phân biện chính sách. Đồng thời, báo chí và truyền thông tạo cầu nối giữa chủ thể và đối tượng chính sách. Từ đó, TTCSKH&CN gắn kết cơ chế, chủ trương đến từng SV, người dân, nhà nghiên cứu và nhà doanh nghiệp. Trong Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 418/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ năm 2012 đã đặc biệt nhấn mạnh, việc đẩy mạnh truyền thông chính sách (TTCS) hoạt động KH&CN, nhằm nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của KH&CN. Từ đó, Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định mục tiêu, *“Phát triển KH&CN cùng với GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. KH&CN phải đóng vai trò chủ đạo để tạo được bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh*

tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”[17].

Để KH&CN trở thành động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, TTCSKH&CN đóng vai trò hết sức quan trọng. Các thành tựu, chính sách của KH&CN để được phổ biến rộng rãi đến SV và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn, thì không thể thiếu được lực lượng báo chí và đội ngũ nhà báo, biên tập viên cùng đồng hành và tích cực tham gia TTCS về KH&CN.

TTCSKH&CN nói chung và cho SV nói riêng là một quá trình liên tục trao đổi hoặc chia sẻ, phổ biến các thông tin chính sách, pháp luật từ đảng, nhà nước về năng KH&CN đến SV, quần chúng nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đối tượng được tác động. Nói cách khác, TTCSKH&CN và đội ngũ báo chí đã làm thay đổi môi trường xã hội sáng tạo, đổi mới, nuôi dưỡng đội ngũ SV, cán bộ nghiên cứu khoa học giàu lòng đam mê, nhiệt huyết góp phần xây dựng và phát triển đất nước trong xu thế toàn cầu hóa ngày nay.

Từ đó, một lần nữa khẳng định vai trò của hoạt động TTCSKH&CN cho SV, cán bộ khoa học trong các trường đại học nói riêng và các nhà khoa học, người dân... nói chung là một trong những nhân tố giúp cho lĩnh vực này đạt mục tiêu đề ra.

Tuy nhiên, thực trạng chung của TTCS hoạt động KH&CN ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Hiện nay, công tác TTCS trên báo điện tử đang được thực hiện ra sao? Hoạt động này mang lại những hiệu quả thực tế như thế nào phục vụ cho chiến lược phát triển KH&CN của Chính phủ? Đây là câu hỏi đang được đặt ra cho các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia và những người làm truyền thông về KH&CN.

Qua nghiên cứu, hiện nay mới chỉ có một số hội thảo, công trình bàn về truyền thông các thành tựu ứng dụng KH&CN trên truyền hình và truyền

thông các thành tựu ứng dụng KH&CN trên báo điện tử nói riêng. Trong khi đó, trước khi nhắc đến các thành tựu đạt được nhờ ứng dụng KH&CN thì điều cần được quan tâm hơn cả là làm sao để truyền thông, phổ biến rộng rãi các chính sách trong lĩnh vực này một cách nhanh chóng và kịp thời nhất đến mọi đối tượng là SV, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, người dân... trong nước và quốc tế, thì lại chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu cụ thể về vấn đề này.

Đây chính là lý do mà tác giả lựa chọn đề tài “*Truyền thông chính sách khoa học và công nghệ cho sinh viên trên báo điện tử Việt Nam hiện nay*” để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Trên thế giới

Trên thế giới, hoạt động KH&CN ở các nước phát triển có giá trị to lớn về mặt quyền lực và củng cố vị trí của quốc gia trong khu vực nói riêng và quốc tế nói chung. Do vậy, chính sách về hoạt động KH&CN được các quốc gia này vô cùng coi trọng. Trong đó, mục tiêu đầu tư cho nghiên cứu phát triển trong các chính sách, chiến lược phát triển KH&CN được sử dụng có ý nghĩa và tác dụng nhất. Cuốn “*Sách trắng về KH&CN*” của Đài Loan (Trung Quốc) được xuất bản năm 2007 đưa ra thực trạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển KH&CN hiện nay để làm cơ sở hướng dẫn việc thúc đẩy phát triển KH&CN ở Đài Loan.

Nhật Bản là một đất nước có nền KH&CN phát triển và muốn xây dựng một xã hội “Khoa học trong xã hội, xã hội vì khoa học”. Sự ra đời của “*Sách trắng*” vào năm 1958 do Cục KH&CN Nhật Bản xuất bản đã mang đến cho độc giả bức tranh toàn cảnh về hiện trạng phát triển KH&CN hàng năm của Nhật Bản, cũng như thông tin mới nhất về KH&CN trong nước và trên thế giới. Tuy nhiên, cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 mối quan tâm của người dân Nhật Bản với vấn đề KH&CN, đặc biệt là giới trẻ dần có xu hướng giảm đi, vì

họ nhận thấy rằng các vấn đề KH&CN quá phức tạp, thiếu thông tin được trình bày dễ hiểu. Vì vậy, để thay đổi điều đó, Nhật Bản hiểu rằng phải đẩy mạnh truyền thông KH&CN bằng cách chính sách đổi mới đưa truyền thông KH&CN vào kế hoạch phát triển KH&CN 5 năm. Mô hình phối hợp mới được hình thành giữa các viện/trung tâm nghiên cứu với trường phổ thông, đại học. Từ đó, học sinh và SV nhận thức nghiên cứu khoa học quan trọng, thậm chí quyết định vận mệnh của đất nước, khích lệ các em hướng đến và say mê nghiên cứu khoa học [15, tr. 285-291].

Chính phủ Úc cũng là một trong những quốc gia chú trọng phát triển KH&CN, vì thế truyền thông KH&CN là một bộ phận không thể thiếu trong chiến lược phát triển KH&CN của Úc. Từ năm 1988, Úc liên tục đầu tư cho các chương trình truyền thông KH&CN, tiếp đó vào năm 2001 và năm 2006 lần lượt là các Chiến lược quốc gia nâng cao nhận thức về đổi mới sáng tạo và Chương trình kết nối khoa học [15, tr. 293-298].

Trong cuốn sách “*Bùng nổ truyền thông*”, Philippe Breton và Serge Proulx nhận định: “*Từ khi các media hiện đại (computer, internet, vô tuyến truyền hình, quảng cáo...) ra đời đã làm xuất hiện một nền tảng ý thức hệ mới - nền tảng tư tưởng về truyền thông. Nếu như trong các cơ cấu xã hội cũ, giáo hội, nhà nước, các đảng phái nắm quyền quyết định và vận hành các thiết chế xã hội, thì trong cơ cấu xã hội hậu hiện đại, chính những tổ chức và phương tiện truyền thông đã nắm lấy quyền lực ấy... Từ nay có một nền văn hóa kỹ thuật, vật chất, được hình thành trong những tiếp xúc hằng ngày giữa các cá nhân với công cụ kỹ thuật và với máy móc*” [38, tr. 120-397].

Tuy nhiên, luận văn này tác giả đi sâu nghiên cứu vào khía cạnh TTCS hoạt động KH&CN. Trong bài báo khoa học về “*Science communication: a contemporary definition*”, nhà nghiên cứu Burns và các cộng sự đã chỉ rõ truyền thông KH&CN là một phần quan trọng trong xã hội hiện đại. Hoạt động truyền thông KH&CN không chỉ làm cho các nhà khoa học nói nhiều